

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN ĐÔNG  
TRƯỜNG PTDTBT-TH MƯỜNG LÂN



**KÈ HOẠCH  
PHÁT TRIỂN CHIẾN LƯỢC  
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025  
TẦM NHÌN 2030**

**ĐƠN VỊ: TRƯỜNG PTDTBT - TH MƯỜNG LÂN**



Số: 57/KH-PTDTBT THML

Mường Luân, ngày 20 tháng 4 năm 2021

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG**  
**GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ:**

**1. Bối cảnh ra đời**

- Căn cứ luật giáo dục số 43/2019/QH14 ban hành ngày 14/6/2019 của Quốc Hội nước CHXH chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT, ban hành điều lệ trường Tiểu học

- Căn cứ thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2018 của Bộ GD&ĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường Tiểu học

- Căn cứ thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GD&ĐT Quy định về chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

- Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT Quy định về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Căn cứ vào nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp

- Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của Huyện Điện Biên Đông và tỉnh Điện Biên.

- Căn cứ vào tình hình thực trạng thực tế và kế hoạch phát triển nhà trường trong giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030

+ Trường PTDTBT - TH Mường Luân xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 như sau:



## **2. Chức năng, nhiệm vụ của nhà trường**

\* Chức năng, nhiệm vụ của nhà trường gồm những nội dung cơ bản như sau:

- Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động trẻ em khuyết tật, trẻ em đã bỏ học đến trường, thực hiện phổ cập giáo dục và chống mù chữ trong cộng đồng. Nhận bảo trợ và giúp các cơ quan có thẩm quyền quản lý các hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền. Tổ chức kiểm tra và công nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và trẻ em trong địa bàn trường được phân công phụ trách.

- Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương.

- Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với gia đình, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện hoạt động giáo dục.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

## **3. Quá trình hình thành và phát triển nhà trường**

- Trường Tiểu học Mừng Luân được thành lập ngày 28 tháng 8 năm 2000 theo Quyết định số 307/QĐ-UB của UBND huyện Điện Biên Đông. Trường được thành lập trên cơ sở chia tách các bậc học từ trường Phổ thông cơ sở Mừng Luân. Trường có 01 điểm trường chính được đặt tại Bản Mừng Luân 2 xã Mừng Luân.



- Trong những năm qua, cơ sở vật chất của nhà trường đang được đầu tư xây dựng khang trang và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu dạy và học trong giai đoạn mới. Nhà trường là địa chỉ giáo dục đáng tin cậy của nhân dân trên địa bàn xã và các xã lân cận, được nhiều năm công nhận là đơn vị xuất sắc của huyện Điện Biên Đông về chất lượng giáo dục đào tạo cùng với một số đơn vị giáo dục khác.

- Trường trở thành trường PTDTBT – TH Mường Luân từ ngày 01/01/2021 cho đến nay, theo quyết định số: 2201/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Điện Biên Đông.

#### **4. Thành tích đạt được**

##### **a. Mặt đạt được - Nguyên nhân khách quan, chủ quan:**

###### **\* Những kết quả đạt được:**

- Từ năm học 2015- 2016 đến năm học 2019- 2020, Tập thể nhà trường liên tục được UBND tỉnh Điện Biên công nhận là tập thể Lao động xuất sắc và được tặng Bằng khen vào năm 2016 và 2020.

- Nhà trường luôn chuẩn bị tốt về đội ngũ nhà giáo, nhân viên, CSVC và trang thiết bị để phục vụ cho công tác dạy và học.

- Tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp đạt kết quả cao.

- Đạt danh hiệu LĐTT qua các năm học chiếm trên 85%

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 16 lượt người.

- Tập thể trường đạt: Trường đạt danh hiệu cơ quan văn hóa cấp tỉnh.

- Số lượng học sinh đi học chuyên cần đạt trên 98%

- Số lượng học sinh chuyển lớp và hoàn thành chương trình Tiểu học qua các năm đều đạt 100%.

###### **\* Nguyên nhân:**

- Nguyên nhân khách quan:

+ Được sự quan tâm, đầu tư của UBND huyện Điện Biên Đông. Phòng GD&ĐT, của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Mường Luân trong việc chăm lo đến công tác giáo dục, nhất là công tác xây dựng cơ sở vật chất.



+ Điều kiện cơ sở vật chất khang trang, khuôn viên xanh, sạch, đẹp, trang thiết bị dạy học đầy đủ, góp phần không nhỏ vào kết quả giáo dục của nhà trường.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Bản thân mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên đều có tinh thần tự học, tự rèn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tích cực tiếp cận nhanh chóng các phương pháp, hình thức dạy học mới, vận dụng có hiệu quả vào thực tiễn giảng dạy tại trường.

### **5. Nhu cầu phát triển của nhà trường đáp ứng nhiệm vụ được giao và hội nhập quốc tế.**

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

- Năm học 2020-2021: Phần đầu đạt kiểm định mức độ 2, đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

- Năm học 2021 - 2022: Trường đạt kiểm định mức độ 2, đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

- Năm học 2022 - 2023: Duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

- Năm học 2023 - 2024: Duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

- Năm học 2024 - 2025: Trường đạt kiểm định mức độ 3, đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

- Duy trì thành quả công tác PCGD Tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2.

### **6. Tình hình kinh tế - xã hội của địa phương**

- Xã Mường Luân có 13 bản, với 1042 hộ gia đình và 4457 nhân khẩu, thuộc các xã đặc biệt khó khăn, có tổng diện tích tự nhiên là 6116,8 ha. Trong đó 100% diện tích là rừng núi, thành phần dân tộc chung sống trên địa bàn xã chủ yếu là dân tộc Thái, Khơ Mú, Lào.

- Là xã trọng điểm trong trương trình xây dựng nông thôn mới.



- Một số phụ huynh học sinh chưa thật sự đầu tư cho con em mình trong công tác giáo dục.

- Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giáo dục nhà trường còn nhiều khó khăn. Phòng học bộ môn còn thiếu và chưa đồng bộ, một số phòng chưa được kiên cố.

## II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾT QUẢ GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

### 1. Những ưu điểm

- *Tổ chức và quản lý nhà trường*

+ Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý nhân sự, quản lý hồ sơ chuyên môn, quản lý chất lượng giáo dục và bảo quản CSVC của nhà trường theo quy định và theo văn bản hướng dẫn của các cấp quản lý.

- *Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tính đến thời điểm hiện tại.*

+ Nhà trường có tương đối đầy đủ biên chế về đội ngũ theo quy định, tuy nhiên còn thiếu giáo viên dạy ngoại ngữ, Thể dục, Âm nhạc và GV chuyên trách công tác Đội.

Nhân sự	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Đảng viên
				Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	
Hiệu trưởng	1				1				1
Phó hiệu trưởng	2		1		2				2
Giáo viên	13	5	5		7	5	1		4
Nhân viên	4	3	3			1	1	2	0
<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	<b>10</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>7</b>

- *Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học*



TT	Số liệu	Năm học 2020 - 2021
<b>I</b>	<b>Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập</b>	
<b>1</b>	<b>Phòng học</b>	10
a	Phòng kiên cố	8
b	Phòng bán kiên cố	2
c	Phòng tạm	0
<b>2</b>	<b>Phòng học bộ môn</b>	0
a	Phòng kiên cố	
b	Phòng bán kiên cố	
<b>3</b>	<b>Khối phòng phục vụ học tập</b>	3
a	Phòng kiên cố	2
b	Phòng bán kiên cố	1
<b>II</b>	<b>Khối phòng hành chính - quản trị</b>	1
1	Phòng kiên cố	
2	Phòng bán kiên cố	1
3	Phòng tạm	
<b>III</b>	<b>Thư viện</b>	1
<b>IV</b>	<b>Các công trình, khối phòng chức năng khác</b>	
<b>1</b>	<b>Phòng nội trú</b>	8
a	Phòng kiên cố	6
b	Phòng bán kiên cố	2
<b>2</b>	<b>Phòng công vụ</b>	2
a	Phòng kiên cố	2



b	Phòng bán kiên cố	
3	<b>Nhà ăn</b>	1
a	Kiên cố	
b	Bán kiên cố	1
4	<b>Nhà bếp</b>	1
a	Kiên cố	
b	Bán kiên cố	1
5	<b>Nhà xe</b>	1
a	Kiên cố	
b	Bán kiên cố	1
6	<b>Công trình vệ sinh</b>	3
a	Đạt chuẩn	3
b	Chưa đạt chuẩn	
7	<b>Công trình nước</b>	1
a	Đạt chuẩn	1
b	Chưa đạt chuẩn	

- Tham mưu, phối hợp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục

+ Ngay từ đầu năm học nhà trường đã căn cứ các văn bản hướng dẫn để xây dựng kế hoạch tham mưu với Phòng GD&ĐT. Đảng ủy và chính quyền địa phương, huy động các nguồn lực để xây dựng kế hoạch và thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phân đấu của nhà trường đã đề ra.

- Hoạt động giáo dục và kết quả GD năm học 2019 - 2020

### **Kết quả giáo dục**

a) Đánh giá theo năng lực: ( 01 HS khuyết tật không đánh giá)



Tự phục vụ, tự quản						Hợp tác						Tự học và giải quyết vấn đề					
Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	S	Tỉ lệ	S	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	S	Tỉ lệ
83	29	201	71	0	0	83	29	201	71	0	0	83	29	201	71	0	0

b) Đánh giá theo phẩm chất: (01 HS khuyết tật không đánh giá)

Chăm học, chăm làm						Tự tin, trách nhiệm					
Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
83	29	201	71	0	0	83	29	201	71	0	0

Trung thực, kỉ luật						Đoàn kết, yêu thương					
Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
83	29	201	71	0	0	83	29	201	71	0	0

c) Chất lượng hai môn Toán, Tiếng Việt: (01 HS khuyết tật không đánh giá)

T	Tổng số HS được đánh giá	TOÁN						TIẾNG VIỆT					
		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	TL	SL	%	SL	%	SL	%
1	284	105	36,9	179	63,1	0	0	85	29,9	199	70,1	0	0



d) Chất lượng môn Tiếng Anh

TT	Tiếng Anh (bắt buộc)						Tiếng Anh tự chọn					
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	SL	%	SL	%	SL	TL	SL	%	SL	%	SL	%
1	40	34,7	76	65,3	0	0	17	30,3	39	69,7	0	0

e) Chất lượng môn Tiếng Việt lớp 1 – CNGD, Tin học

TT	Tiếng Việt lớp 1 – CNGD						Tin học					
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	SL	%	SL	%	SL	TL	SL	%	SL	%	SL	%
1	0	0	0	0	0	0	59	34,5	112	65,5	0	0

g) Số liệu học sinh hoàn thành chương trình tiểu học

STT	Đơn vị	Tổng số HS	Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			SL	TL(%)	SL	TL(%)
1	TH Mường Luân	56	56	100	0	0

## 2. Những hạn chế, yếu kém

- *Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên*

+ Đội ngũ GV trong nhà trường không đồng đều về chất lượng cũng như trình độ. Một số Đ/C có trình độ chuyên môn dưới chuẩn về bằng cấp và thiếu nhiệt tình trong công tác chuyên môn cũng như thiếu tinh thần học hỏi để nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

- *Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học*

+ Cơ sở vật chất của nhà trường đã được cải thiện rõ rệt nhưng hiện tại vẫn còn thiếu về một số hạng mục như nhà chức năng, phòng công vụ và các phòng



phục vụ công tác chuyên môn, phòng học chuyên như nghệ thuật... chưa được kiên cố hóa.

- *Tham mưu, phối hợp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục*

+ Việc quan tâm và phối kết hợp của nhà trường với chính quyền địa phương đạt kết quả tương đối cao trong việc huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng CSVC và huy động học sinh ra lớp.

- *Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục*

+ Kết quả giáo dục của nhà trường đã cải thiện và nâng lên rõ rệt qua từng năm học. Tuy nhiên vẫn còn một số mặt hạn chế về chuẩn KTKN đối với các em HS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không được gia đình quan tâm sát sao trong việc học.

### **3. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém**

- *Nguyên nhân khách quan:*

Kinh phí hoạt động của nhà trường còn hạn chế, chưa đầu tư đúng mức để nâng cấp, cải tạo và xây dựng CSVC của trường.

Một số ít giáo viên còn để những định kiến cá nhân xen vào công việc, nhìn nhận vấn đề chưa thẳng thắn, công bằng, khách quan.

- *Nguyên nhân chủ quan:*

Một số Đ/C giáo viên chưa chịu khó học hỏi chuyên môn nên chất lượng giảng dạy và hiệu quả công việc còn thấp.

Trình độ chuyên môn chưa đạt chuẩn theo yêu cầu

### **4. Các vấn đề cần giải quyết trong giai đoạn 2021-2025**

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống CSVC và trang thiết bị dạy học đáp ứng đủ nhu cầu của đơn vị trong việc thực hiện CTGDPT 2018.

- Khuyến khích giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo tham gia học tập các lớp nâng cao trình độ chuyên môn.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng CM để nâng cao chất lượng đội ngũ.

### **III. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC**



## **1. Tâm nhìn:**

- Trường PTDTBT-TH Mường Luân hướng đến trở thành một trường học thân thiện với chất lượng giáo dục là ưu tiên hàng đầu, luôn đổi mới, phát triển nhà trường theo hướng “trường học hiện đại” để đáp ứng yêu cầu phát triển của giáo dục và hội nhập quốc tế, được phụ huynh học sinh và học sinh tin cậy.

- Là nơi đào tạo học sinh thành những con người năng động, nhiệt tình trong công việc, yêu lao động, sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hoà nhập tốt trong cộng đồng.

- Phân đầu là một trong những trường có nề nếp, có chất lượng khá tốt và ổn định, là bộ mặt giáo dục của huyện.

## **2. Sứ mệnh**

- Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I năm 2021.

- Xây dựng được nhà trường dạy và học có nề nếp - kỷ cương - đạt chất lượng cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng. Tạo điều kiện cần và đủ để học sinh của trường tự tin khi tham gia lao động xã hội và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Tạo cơ hội cho học sinh phát huy hết những năng lực tiềm ẩn của chính mình, với một văn hóa giáo dục hiện đại, với những cách thức giao tiếp truyền đạt mới đó là: Học sinh của trường sẽ tự giác, tự quản, tự học, tự đánh giá, tự trọng, tự tin.

## **3. Giá trị cốt lõi**

Tập trung xây dựng nhà trường theo các yêu cầu sau: Sự quan tâm; trách nhiệm; tình thương; đổi mới; sáng tạo. Nhà trường luôn đổi mới chính mình, luôn trau dồi kiến thức mới, giáo dục học sinh để cùng với học sinh trở thành những con người mới với phương châm:

- Học sinh: Bước đầu biết tự giáo dục, tự đánh giá và hợp tác

- Giáo viên thực hiện tốt nội dung sau: Tự học, tự bồi dưỡng, tự chủ, linh hoạt

- Nhà trường và cộng đồng: Tự nguyện, đồng thuận "



- Luôn xây dựng tập thể nhà trường đoàn kết nội bộ để nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác.

#### **IV. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu dài hạn**

Đến năm 2025, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

###### 1.1 Phát triển trường chất lượng cao:

- Phấn đấu đến năm học 2020 - 2021 nhà trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I

###### 1.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên

- Phấn đấu đến năm 2025 có 2/3 đội ngũ CBQL đạt trình độ cao học.

- 100% đội ngũ nhà giáo có trình độ chuyên môn đạt từ chuẩn trở lên, Luôn nhiệt tình trong công tác và yêu nghề, mến trẻ.

- Không để tình trạng đội ngũ GV yếu kém về chuyên môn và thiếu tinh thần trách nhiệm trong đơn vị

###### 1.3. Chất lượng học sinh

- Từng bước nâng cao chất lượng học sinh qua các năm học. Phấn đấu đến năm 2025 học sinh được xếp loại HTXS chiếm 17 - 20%. Không có học sinh xếp loại CHT.

- Phấn đấu đưa tỉ lệ học sinh chuyển lớp đạt 100% trở lên và học sinh được công nhận HTCTTH đạt 100%

###### 1.4. Thư viện và thiết bị dạy học

- Thư viện nhà trường phấn đấu đạt chuẩn vào năm 2021

###### 1.5. Cơ sở vật chất trường lớp học

- Phấn đấu trong năm học 2020 - 2021 nhà trường có đủ hệ thống CSVC đáp ứng được nhu cầu dạy và học theo chương trình GDPT 2018.

##### **2. Mục tiêu ngắn hạn**

- Năm học 2020-2021: Phấn đấu đạt kiểm định mức độ 2, đạt trường chuẩn quốc gia mức độ I. Phấn đấu trở thành trường PTDTBT-TH Mường Luân.



- Năm học 2021 - 2022: Trường đạt kiểm định mức độ 2, duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ I.
- Năm học 2022 - 2023: Duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ I.
- Năm học 2023 - 2024: Duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ I.
- Năm học 2024 - 2025: Trường đạt kiểm định mức độ 3, duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ I.

## **V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tổ chức và quản lý nhà trường**

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi và động viên CB, GV tích cực tham gia học tập, nâng cao trình độ đào tạo qua các lớp tại chức trong hè. Xong vẫn phải đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ tại nhà trường, đặc biệt không vướng vào thời gian đầu năm học mới. Thường xuyên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ BGH trong nhà trường. Xây dựng quy chế dân chủ và duy trì tốt mối đại đoàn kết trong nội bộ trường học.

- BGH nhà trường luôn nghiên cứu, học hỏi nghị quyết của các cấp Đảng ủy. Chấp hành tốt mọi chủ trương của Đảng và Pháp luật của nhà nước

- Tăng cường việc ứng dụng CNTT trong quản lí và trong dạy học.

### **2. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

- Chú trọng đầu tư các điều kiện giúp cho cán bộ, giáo viên, nhân viên ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, giáo dục như đường truyền internet, website, các phần mềm phổ cập, kế toán, cơ sở dữ liệu, thư viện,...

- Xây dựng lộ trình để đào tạo nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lí và GV trong nhà trường.

- Tăng cường việc ứng dụng CNTT trong quản lí và trong dạy học.

- Phấn đấu đến năm 2024 đội ngũ nhà giáo có trình độ đạt từ chuẩn trở lên, trong đó đạt trên chuẩn là 5%.



### **3. Đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

- Đảm bảo đầy đủ các quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1, Chuẩn Xanh - sạch - đẹp - an toàn.

- Tăng cường các thiết bị dạy học hiện đại như máy chiếu, máy tính, ti vi, máy in, máy photocopy, hệ thống âm thanh ... giúp giáo viên ứng dụng vào giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Hoàn thiện CSVC đáp ứng nhu cầu dạy theo CTGDPT 2018

### **4. Làm tốt công tác tham mưu, phối hợp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục**

- Thực hiện tốt công tác tham mưu với các cấp quản lí và chính quyền địa phương để thực hiện thắng lợi các chỉ đã đề ra.

- Tham mưu tốt với chính quyền địa phương nhằm tạo điều kiện giúp đỡ nhà trường về công tác bảo vệ CSVC, phối hợp với nhà trường huy động học sinh ra lớp đảm bảo tỷ lệ chuyên cần để nhà trường đủ điều kiện phấn đấu thành lập trường PTDTBT.

- Vận động các nguồn lực trong nhân dân cùng nhà trường để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

### **5. Nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

- Tiếp tục thực hiện tốt các cuộc vận động và các phong trào thi đua. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn và chuyên đề do các cấp quản lí tổ chức.

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới đánh giá học sinh, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, chuyên đề dạy học. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lí và dạy học nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giáo viên.

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ trường học, kiên quyết xử lý CBGV vi phạm quy chế chuyên môn.

- Thực hiện đạt kết quả cao các cuộc vận động lớn của ngành và các phong trào thi đua trong năm học.



- Đổi mới phương pháp dạy và học, lấy học sinh làm trung tâm.
- Thực hiện tốt dạy chương trình thay sách giáo khoa đối với lớp 1.
- Duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học đúng độ tuổi mức độ III và duy trì đạt xóa mù chữ Mức độ II. Không để tình trạng học sinh nghỉ học và bỏ học giữa chừng.

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

### **1. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước**

- Thực hiện nghiêm túc việc chi trả chế độ chính sách và các khoản chi khác cho cán bộ GV-NV và học sinh đúng theo quy định của nhà nước.
- Thực hiện tốt việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

### **2. Kinh phí từ xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác**

- Vận động các tổ chức và cá nhân đóng góp ủng hộ nhà trường về các nguồn tài chính để đầu tư xây dựng CSVC cho nhà trường.
- Vận động các tổ chức từ thiện hỗ trợ các em học sinh về vật phẩm, đồ dùng cá nhân, đồ dùng học tập...

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phổ biến kế hoạch chiến lược nhà trường**

- Nhà trường tiến hành phổ biến kế hoạch chiến lược tới toàn thể đội ngũ CBGV-CNV và chính quyền địa phương.
- Đăng tải kế hoạch lên trang Web và gmail của nhà trường để mọi người cùng nghiên cứu và thực hiện.

### **2. Trách nhiệm thực hiện**

#### **2.1. Hội đồng trường**

- Hội đồng trường tổ chức xây dựng nghị quyết trên cơ sở lấy ý kiến khách quan của tập thể để có KH phù hợp cho sự phát triển nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện có hiệu quả nghị quyết do hội đồng đề ra

#### **2.2. Hiệu trưởng**



- Xây dựng nghị quyết của chi bộ và chỉ đạo các bộ phận chuyên môn có liên quan thực hiện.

- Tham mưu với Đảng ủy xã đưa các chỉ tiêu đã được hội đồng trường thông qua vào Nghị quyết Đảng bộ xã trong giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng KH chiến lược để phát triển nhà trường qua từng giai đoạn và phổ biến rộng rãi đến đội ngũ CBGV-NV và nhân dân trên địa bàn để cùng thực hiện

- Xây dựng kế hoạch và phương án chỉ đạo, đôn đốc trong việc thực hiện

### 2.3. Các tổ chuyên môn và đoàn thể trong trường

- Nghiên cứu nội dung kế hoạch và triển khai nội dung công việc của tổ để các thành viên trong tổ nắm bắt được và cùng phân đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả công việc trước BGH nhà trường.

### 2.4. Đội ngũ giáo viên, nhân viên

- Căn cứ chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác của tổ, của đoàn thể theo từng năm học.

- Đội nhà giáo, nhân viên trong đơn vị có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công theo kế hoạch. Chịu trách nhiệm về hiệu quả và chất lượng công việc trước tổ chuyên môn và trước BGH nhà trường.

- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học.

### 2.5. Học sinh

- Ra sức học tập tốt, rèn luyện chăm chỉ. Luôn trau dồi đạo đức, hành vi phù hợp với các chuẩn mực của xã hội, thường xuyên rèn luyện sức khỏe, tích cực tham gia các hoạt động, rèn kỹ năng sống.

- Thực hiện nghiêm túc những quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của học sinh, đặc biệt là học sinh bán trú.

### 2.6. Ban đại diện cha mẹ học sinh và phụ huynh học sinh



- Có trách nhiệm phối kết hợp cùng với BGH và giáo viên để thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các công tác khác trong nhà trường.

- Ban đại diện CMHS hoạt động theo đúng chức trách và nhiệm vụ, đúng quy định.

## VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

### 1. Với Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Quan tâm, chỉ đạo nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển phù hợp với đặc điểm thực tế của nhà trường.

- Quan tâm đầu tư nguồn lực tài chính để xây dựng CSVC đáp ứng được nhu cầu dạy và học theo chương trình GDPT 2018.

### 2. Với UBND huyện, thị xã, thành phố

- Quan tâm đầu tư CSVC cho nhà trường, huy động các nguồn lực xã hội hóa để giúp nhà trường khắc phục những mặt còn khó khăn, hạn chế...

Trên đây là Kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2021 - 2025. Kính trình lãnh đạo phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện phê duyệt để nhà trường có căn cứ triển khai thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Đảng ủy xã Mường Luân;
- HĐND, UBND xã Mường Luân;
- Thành viên Hội đồng trường;
- Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- Lưu: VP.

HIỆU TRƯỞNG



Đình Quang Vinh

PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG PHÒNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG  
(Ký tên, đóng dấu)  
PHỤ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Quang Ngân



## KẾT QUẢ GIAI ĐOẠN 2016-2020

### Thống kê số lớp, học sinh giai đoạn 2016-2020

Biểu số 01

Khối lớp	Năm học									
	2015 - 2016		2016 - 2017		2017 - 2018		2018 - 2019		2019 - 2020	
	Số lớp	HS	Số lớp	HS	Số lớp	HS	Số lớp	HS	Số lớp	HS
Lớp 1	3	58	3	66	3	57	3	59	3	53
Lớp 2	3	43	3	59	3	63	3	57	3	61
Lớp 3	2	47	2	42	3	57	2	61	2	54
Lớp 4	2	33	2	46	2	39	2	57	2	61
Lớp 5	2	57	2	33	2	46	2	37	2	56
<b>Cộng</b>	<b>12</b>	<b>238</b>	<b>12</b>	<b>246</b>	<b>13</b>	<b>262</b>	<b>12</b>	<b>271</b>	<b>12</b>	<b>285</b>

\* Học sinh dân tộc thiểu số

T T	Nội dung	Năm học					Ghi chú
		2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	
1	Tổng số HSDTTS	<b>229</b>	<b>233</b>	<b>251</b>	<b>256</b>	<b>268</b>	
	Nữ DTTS	115	116	115	115	18	
	- Khối lớp 1	56	60	55	55	50	
	- Khối lớp 2	41	57	59	55	56	
	- Khối lớp 3	44	40	55	55	52	
	- Khối lớp 4	33	43	39	55	56	
	- Khối lớp 5	55	33	43	36	54	



**Cơ cấu khối công trình của nhà trường giai đoạn 2016-2020**

*Biểu số 02*

TT	Nội dung	Năm học					Ghi chú
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	
<b>1</b>	<b>Phòng hành chính quản trị</b>						
1.1	Hiệu trưởng	1	1	1	1	1	
1.2	Phó Hiệu trưởng	1	1	1	1	1	
1.3	Văn phòng	1	1	1	1	1	
1.4	Bảo vệ	1	1	1	1	1	
1.5	Nhà để xe giáo viên	0	0	0	0	0	
1.6	Nhà vệ sinh giáo viên	1	1	1	1	1	
<b>2</b>	<b>Phòng học</b>						
2.1	Tổng số	12	12	13	12	12	
	Kiên cố	4	4	4	4	10	
	Bán kiên cố	8	8	9	8	2	
	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2.2	Tỉ lệ phòng học/lớp	1/1	1/1	1/1	1/1	1/1	
<b>3</b>	<b>Phòng học bộ môn</b>						
3.1	Ngoại ngữ	0	0	0	0	0	
3.2	Tin học	0	0	0	0	0	
3.3	Âm nhạc	0	0	0	0	0	
3.4	Mĩ Thuật	0	0	0	0	0	
3.5	GDTC	0	0	0	0	0	
3.6	Khoa học công nghệ	0	0	0	0	0	



3.7	Đa chức năng	0	0	0	0	0	
<b>4</b>	<b>Khối phòng Hỗ trợ học tập</b>						
4.1	Thư viện	1	1	1	1	1	
4.2	Thiết bị giáo dục	0	0	0	0	1	
4.3	Tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật	0	0	0	0	0	
4.4	Truyền thông	0	0	0	0	0	
4.5	Đội TNTP Hồ Chí Minh	0	0	0	0	0	
<b>5</b>	<b>Khối phòng phụ trợ</b>						
5.1	Phòng họp	1	1	1	1	1	
5.2	Y tế học đường	0	0	1	1	1	
5.3	Kho	1	1	1	1	1	
5.4	Nhà để xe học sinh	0	0	0	0	0	
5.5	Khu vệ sinh học sinh	5	5	5	5	5	
5.6	Phòng nghỉ giáo viên	3	3	3	3	3	
<b>6</b>	<b>Khối phục vụ sinh hoạt</b>						
6.1	Nhà bếp	1	1	1	1	1	
6.2	Kho bếp	1	1	1	1	1	
6.3	Nhà ăn	1	1	1	1	1	
6.4	Phòng nội trú	2	4	4	8	8	
6.5	Phòng quản lý học sinh	1	1	1	1	1	
6.6	Phòng sinh hoạt chung HSNT	0	0	0	0	0	
<b>7</b>	<b>Khu sân chơi</b>	5	5	5	5	5	



7.1	Diện tích	2040	2040	2040	2040	2040	
7.2	Đồ chơi ngoài trời	0	0	0	0	0	
<b>8</b>	<b>Khu thể dục TT (diện tích)</b>	5	5	5	5	5	
8.1	Diện tích	0	0	0	0	0	
8.2	Dụng cụ, Thiết bị vận động cho HS	2040	2040	2040	2040	2040	

### Số lượng CBQL, GV, nhân viên giai đoạn 2016-2020

*Biểu số 03*

a) Số liệu giáo viên, nhân viên

TT	Nội dung	Năm học					Ghi chú
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	
<b>1</b>	<b>Tổng số CBQL, GV, NV</b>	18	17	21	19	18	
1.1	Giáo viên Tiếng Anh	1	1	1	1	1	
1.2	Giáo viên Tin học	1	1	1	1	1	
1.3	Giáo viên Âm nhạc	1	1	1	1	1	
1.4	Giáo viên Mĩ thuật	1	1	1	1	1	
1.5	Giáo viên Thể dục	1	1	1	1	1	
<b>2</b>	<b>Tỉ lệ GV/lớp</b>	1,5	1,41	1,6	1,5	1,5	
3	Tổng số giáo viên dạy giỏi	8	6	13	11	8	
3.1	Giáo viên dạy giỏi cấp trường	5	6	6	8	6	
3.2	Giáo viên dạy giỏi cấp	3	0	5	3	0	



	huyện hoặc tương đương						
3.3	Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	0	0	2	0	2	
<b>4</b>	<b>Tổng số nhân viên</b>	<b>7</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>6</b>	
4.1	Thư viện – Thiết bị	1	1	1	2	2	
4.2	Kế toán – Văn thư	1	1	1	0	0	
4.3	Y tế - Thủ quỹ	1	1	1	1	0	
4.4	Bảo vệ	1	1	1	1	0	
4.5	Nhân viên nấu ăn	2	2	2	2	2	

b) Đảng viên, trình độ chuyên môn, LLCT, xếp loại chuẩn nghề nghiệp

Năm học	Tổng số	Đảng viên	Trình độ chuyên môn		Lý luận chính trị			Xếp loại chuẩn nghề nghiệp		
			Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Tốt	Khá	TB
2015-2016	28	5	28	21		1		15	7	6
2016-2017	25	5	25	19		1		14	7	4
2017-2018	30	6	30	25		1		16	8	6
2018-2019	30	8	30	27		2		13	11	6
2019-2020	24	8	24	22		3		10	11	3



## Kết quả công tác phổ cập GDTH giai đoạn 2016 - 2020

Biểu số 04

Nội dung	Năm học					Ghi chú
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019 - 2020	
Tổng số học sinh 6 tuổi	58	66	57	60	53	
Huy động 6 tuổi học lớp 1	58	66	57	60	53	
Tỉ lệ	100%	100%	100%	100%	100 %	
Tổng số học sinh 6 -10 tuổi	238	246	262	271	285	
Huy động 6-10 tuổi học tiểu học	238	246	262	271	285	
Tỉ lệ	100%	100%	100%	100%	100 %	
Tổng số học sinh 11 tuổi	0	0	0	0	0	
Huy động 11 tuổi hoàn thành Chương trình tiểu học						
Tỉ lệ						



## Thống kê chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020

Biểu số 05

Nội dung	Năm học					Ghi chú
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	
<b>I. Kết quả học tập</b>						
<b>Toán</b>						
<i>TS. học sinh</i>	238	246	262	271	285	
<i>Hoàn thành tốt</i>	46	69	56	95	105	
<i>Hoàn thành</i>	192	169	206	176	180	
<i>Chưa hoàn thành</i>	0	8	0	0	0	
<b>Tiếng Việt</b>						
<i>Tổng số HS</i>	238	246	262	271	285	
<i>Hoàn thành tốt</i>	43	57	66	87	85	
<i>Hoàn thành</i>	195	189	196	184	200	
<i>Chưa hoàn thành</i>	0	0	0	0	0	
<b>II. Năng lực</b>						
<b>1. Tự phục vụ tự quản</b>						
<i>TS. học sinh</i>	238	246	262	271	285	
<i>Tốt</i>	108	115	57	69	83	
<i>Đạt</i>	130	131	205	202	202	
<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	
<b>2. Hợp tác</b>						
<i>TS. học sinh</i>	238	246	262	271	285	
<i>Tốt</i>	108	115	57	69	83	



<i>Đạt</i>	130	131	205	202	202	
<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	
<b>3. Tự học và giải quyết vấn đề</b>						
<i>TS. học sinh</i>	238	246	262	271	285	
<i>Tốt</i>	108	115	57	69	83	
<i>Đạt</i>	130	131	205	202	202	
<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	
<b>III. Phẩm chất</b>						
<b>1.Chăm học, chăm làm</b>						
<i>TS. học sinh</i>	238	246	262	271	285	
<i>Tốt</i>	108	115	76	69	83	
<i>Đạt</i>	130	131	186	202	202	
<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	
<b>2.Tự tin, trách nhiệm</b>						
<i>TS. học sinh</i>	238	246	262	271	285	
<i>Tốt</i>	108	115	76	69	83	
<i>Đạt</i>	130	131	186	202	202	
<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	
<b>3.Trung thực,kỷ luật</b>						
<i>TS. học sinh</i>	238	246	262	271	285	
<i>Tốt</i>	108	115	76	69	83	
<i>Đạt</i>	130	131	186	202	202	
<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	
<b>4.Đoàn kết, yêu thương</b>						



<i>TS. học sinh</i>	238	246	262	271	285	
<i>Tốt</i>	108	115	76	69	83	
<i>Đạt</i>	130	131	186	202	202	
<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	



**PHƯƠNG HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**Thông kê số lớp, học sinh giai đoạn 2021-2025**

*Biểu số 06*

Khối lớp	Năm học									
	2020 - 2021		2021 - 2022		2022 - 2023		2023 - 2024		2024 - 2025	
	Số lớp	HS	Số lớp	HS	Số lớp	HS	Số lớp	HS	Số lớp	HS
Lớp 1	2	53	2	63	2	60	2	70	2	69
Lớp 2	2	52	2	54	2	63	2	60	2	70
Lớp 3	2	58	2	52	2	54	2	63	2	60
Lớp 4	2	54	2	58	2	52	2	54	2	63
Lớp 5	2	60	2	54	2	58	2	52	2	54
<b>Cộng</b> <b>g</b>	<b>10</b>	<b>277</b>	<b>10</b>	<b>280</b>	<b>10</b>	<b>287</b>	<b>10</b>	<b>299</b>	<b>10</b>	<b>316</b>

\* Học sinh dân tộc thiểu số

T T	Nội dung	Năm học					Ghi chú
		2020- 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	
	Tổng số HSDTTS	259	267	275	291	311	
	Nữ DTTS	114	120	129	136	134	
	- Khối lớp 1	49	63	60	70	69	



1	- Khối lớp 2	49	49	63	60	70	
	- Khối lớp 3	54	49	49	63	60	
	- Khối lớp 4	52	54	49	49	63	
	- Khối lớp 5	55	52	54	49	49	

**Cơ cấu khối công trình của nhà trường giai đoạn 2021-2025**

*Biểu số 07*

TT	Nội dung	Năm học					Ghi chú
		2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023- 2024	2024- 2025	
<b>1</b>	<b>Phòng hành chính quản trị</b>						
1.1	Hiệu trưởng	1	1	1	1	1	
1.2	Phó Hiệu trưởng	2	2	2	2	2	
1.3	Văn phòng	1	1	1	1	1	
1.4	Bảo vệ	1	1	1	1	1	
1.5	Nhà để xe giáo viên	1	1	1	1	1	
1.6	Nhà vệ sinh giáo viên	1	1	1	1	1	
<b>2</b>	<b>Phòng học</b>						
2.1	Tổng số	10	10	10	10	10	
	Kiên cố	8	10	10	10	10	
	Bán kiên cố	2	0	0	0	0	
	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2.2	Tỉ lệ phòng học/lớp	1	1	1	1	1	
<b>3</b>	<b>Phòng học bộ môn</b>						
3.1	Ngoại ngữ	1	1	1	1	1	



3.2	Tin học	1	1	1	1	1	
3.3	Âm nhạc	1	1	1	1	1	
3.4	Mĩ Thuật	0	1	1	1	1	
3.5	GDTC	1	1	1	1	1	
3.6	Khoa học công nghệ	0	1	1	1	1	
3.7	Đa chức năng	0	1	1	1	1	
<b>4</b>	<b>Khối phòng Hỗ trợ học tập</b>						
4.1	Thư viện	1	1	1	1	1	
4.2	Thiết bị giáo dục	1	1	1	1	1	
4.3	Tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật	0	0	0	0	0	
4.4	Truyền thông	0	1	1	1	1	
4.5	Đội TNTP Hồ Chí Minh	1	1	1	1	1	
<b>5</b>	<b>Khối phòng phụ trợ</b>						
5.1	Phòng họp	1	1	1	1	1	
5.2	Y tế học đường	1	1	1	1	1	
5.3	Kho	1	1	1	1	1	
5.4	Nhà để xe học sinh	0	1	1	1	1	
5.5	Khu vệ sinh học sinh	2	3	3	3	3	
5.6	Phòng nghỉ giáo viên	0	2	2	2	2	
<b>6</b>	<b>Khối phục vụ sinh hoạt</b>						
6.1	Nhà bếp	1	1	1	1	1	
6.2	Kho bếp	1	1	1	1	1	
6.3	Nhà ăn	1	1	1	1	1	



6.4	Phòng nội trú	8	8	10	10	10	
6.5	Phòng quản lý học sinh	1	2	2	2	2	
6.6	Phòng sinh hoạt chung HSNT	0	0	1	1	1	
<b>7</b>	<b>Khu sân chơi</b>	1	1	1	1	1	
7.1	Diện tích	800	800	800	800	800	
7.2	Đồ chơi ngoài trời	0	0	1	1	1	
<b>8</b>	<b>Khu thể dục TT (diện tích)</b>	1	1	1	1	1	
8.1	Diện tích	480	480	480	480	480	
8.2	Dụng cụ, TBVĐ cho HS	0	0	2	2	2	

### Số lượng CBQL, GV, nhân viên giai đoạn 2021-2025

Biểu số 08

#### a) Số liệu giáo viên, nhân viên

TT	Nội dung	Năm học					Ghi chú
		2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	
<b>1</b>	<b>Tổng số CBQL, GV, NV</b>	20	25	25	25	25	
1.1	Giáo viên Tiếng Anh	0	1	1	1	1	
1.2	Giáo viên Tin học	1	1	1	1	1	
1.3	Giáo viên Âm nhạc	0	1	1	1	1	
1.4	Giáo viên Mỹ thuật	1	1	1	1	1	
1.5	Giáo viên Thể dục	0	1	1	1	1	



<b>2</b>	<b>Tỉ lệ GV/lớp</b>	1,3	1,5	1,5	1,5	1,5	
3	Tổng số giáo viên dạy giỏi	12	12	14	14	15	
3.1	Giáo viên dạy giỏi cấp trường	7	7	8	8	9	
3.2	Giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương	3	3	4	4	5	
3.3	Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	2	2	0	2	2	
<b>4</b>	<b>Tổng số nhân viên</b>	4	7	7	7	7	
4.1	Thư viện – Thiết bị	2	2	2	2	2	
4.2	Kế toán – Văn thư	0	1	1	1	1	
4.3	Y tế - Thủ quỹ	0	1	1	1	1	
4.4	Bảo vệ	0	1	1	1	1	
4.5	Nhân viên nấu ăn	2	2	2	2	2	

b) Đảng viên, trình độ chuyên môn, LLCT, xếp loại chuẩn nghề nghiệp

Năm học	Tổng số	Đảng viên	Trình độ chuyên môn		Lý luận chính trị			Xếp loại chuẩn nghề nghiệp		
			Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Tốt	Khá	TB
2020-2021	20	8	10	0		3		15	4	1
2021-2022	25	9	13	0		3		16	9	0
2022-2023	25	9	18	1		4		18	7	0



2023- 2024	25	10	18	1		4		19	6	0
2024- 2025	25	10	18	2		5		21	4	0

### Kết quả công tác phổ cập GDTH giai đoạn 2021-2025

Biểu số 09

Nội dung	Năm học					Ghi chú
	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	
Tổng số học sinh 6 tuổi	53	63	60	70	69	
Huy động 6 tuổi học lớp 1	53	63	60	70	69	
Tỉ lệ	100%	100%	100%	100%	100%	
Tổng số học sinh 6 -10 tuổi	277	280	287	299	316	
Huy động 6-10 tuổi học tiểu học	277	280	287	299	316	
Tỉ lệ	100%	100%	100%	100%	100%	
Tổng số học sinh 11 tuổi	0	0	0	0	0	
Huy động 11 tuổi hoàn thành Chương trình tiểu học						
Tỉ lệ						



## Thông kê chất lượng giáo dục giai đoạn 2021-2025

Biểu số 10

Nội dung	Năm học					Ghi chú
	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	
<b>I. Kết quả học tập</b>						
<b>Toán</b>						
<i>TS. học sinh</i>	<b>277</b>	<b>280</b>	<b>287</b>	<b>299</b>	<b>316</b>	
<i>Hoàn thành tốt</i>	56	59	60	61	65	
<i>Hoàn thành</i>	221	221	227	238	251	
<i>Chưa hoàn thành</i>	0	0	0	0	0	
<b>Tiếng Việt</b>						
<i>Tổng số HS</i>	<b>277</b>	<b>280</b>	<b>287</b>	<b>299</b>	<b>316</b>	
<i>Hoàn thành tốt</i>	54	56	63	63	65	
<i>Hoàn thành</i>	223	224	224	236	251	
<i>Chưa hoàn thành</i>	0	0	0	0	0	
<b>II. Năng lực</b>						
<b>1. Tự phục vụ tự quản</b>						
<i>TS. học sinh</i>	<b>277</b>	<b>280</b>	<b>287</b>	<b>299</b>	<b>316</b>	
<i>Tốt</i>	70	72	75	78	82	
<i>Đạt</i>	207	208	212	221	234	
<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	
<b>2. Hợp tác</b>						
<i>TS. học sinh</i>	<b>277</b>	<b>280</b>	<b>287</b>	<b>299</b>	<b>316</b>	
<i>Tốt</i>	70	72	75	78	82	



<i>Đạt</i>	207	208	212	221	234	
<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	
<b>3. Tự học và giải quyết vấn đề</b>						
<i>TS. học sinh</i>	<b>277</b>	<b>280</b>	<b>287</b>	<b>299</b>	<b>316</b>	
<i>Tốt</i>	70	72	75	78	82	
<i>Đạt</i>	207	208	212	221	234	
<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	
<b>III. Phẩm chất</b>						
<b>1.Chăm học, chăm làm</b>						
<i>TS. học sinh</i>	<b>277</b>	<b>280</b>	<b>287</b>	<b>299</b>	<b>316</b>	
<i>Tốt</i>	70	72	75	78	82	
<i>Đạt</i>	207	208	212	221	234	
<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	
<b>2.Tự tin, trách nhiệm</b>						
<i>TS. học sinh</i>	<b>277</b>	<b>280</b>	<b>287</b>	<b>299</b>	<b>316</b>	
<i>Tốt</i>	70	72	75	78	82	
<i>Đạt</i>	207	208	212	221	234	
<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	
<b>3.Trung thực,kỷ luật</b>						
<i>TS. học sinh</i>	<b>277</b>	<b>280</b>	<b>287</b>	<b>299</b>	<b>316</b>	
<i>Tốt</i>	70	72	75	78	82	
<i>Đạt</i>	207	208	212	221	234	
<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	
<b>4.Đoàn kết, yêu thương</b>						



<i>TS. học sinh</i>	<b>277</b>	<b>280</b>	<b>287</b>	<b>299</b>	<b>316</b>	
<i>Tốt</i>	70	72	75	78	82	
<i>Đạt</i>	207	208	212	221	234	
<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	